

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN TOÀN CẦU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL TRANSPORTATION SERVICES AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108430047

**3. Ngày thành lập:** 12/09/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 34D, Tổ 8 đường Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 090 4132268

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                             | 4102        |
| 2.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                     | 4292        |
| 3.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                               | 4293        |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                          | 4299        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659        |
| 6.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)                                 | 4719        |
| 7.  | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                          | 4763        |
| 8.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                             | 4791        |
| 9.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                               | 7912        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 11. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                   | 8532        |
| 12. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                    | 8533        |
| 13. | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>Chi tiết: Hoạt động của các dịch vụ thể thao                                                    | 9311(Chính) |
| 14. | Đại lý du lịch                                                                                                                      | 7911        |
| 15. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                       | 8551        |
| 16. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                       | 9610        |
| 17. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                 | 4662        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690 |
| 19. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4741 |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                         | 4759 |
| 21. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7420 |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7710 |
| 23. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7721 |
| 24. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7830 |
| 25. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330 |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4649 |
| 28. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4651 |
| 29. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663 |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
| 31. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4799 |
| 32. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2420 |
| 33. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4212 |
| 34. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4291 |
| 35. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390 |
| 36. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641 |
| 37. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652 |
| 38. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4653 |
| 39. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9000 |

|     |                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Đúc kim loại màu                                                                    | 2432 |
| 41. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                          | 3211 |
| 42. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                  | 3230 |
| 43. | Xây dựng nhà để ở                                                                   | 4101 |
| 44. | Xây dựng công trình đường sắt                                                       | 4211 |
| 45. | Phá dỡ                                                                              | 4311 |
| 46. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa           | 4610 |
| 47. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                   | 4669 |
| 48. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                    | 5610 |
| 49. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng            | 5621 |
| 50. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                      | 7410 |
| 51. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7990 |
| 52. | Đào tạo sơ cấp                                                                      | 8531 |
| 53. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                         | 8552 |
| 54. | Hoạt động thể thao khác                                                             | 9319 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CHẾ MAI PHƯƠNG      | 111-F8, tổ 23, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 450.000    | 4.500.000.000         | 50,000    | 012142109                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 450.000    | 4.500.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG THỊ NGỌC DIỆP | Số 34D, Tổ 8 đường Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 441.000    | 4.410.000.000         | 49,000    | 0011730064<br>62                                                                            |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 441.000    | 4.410.000.000         | 49,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |             |                                                                                                     |                         |       |            |       |           |  |
|---|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------|------------|-------|-----------|--|
| 3 | LÊ THỊ THẨM | Số 34D, Tổ 8<br>đường Ngọc Hà,<br>Phường Ngọc Hà,<br>Quận Ba Đình,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 9.000 | 90.000.000 | 1,000 | 010101483 |  |
|   |             |                                                                                                     | Tổng số                 | 9.000 | 90.000.000 | 1,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ THẨM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/02/1947

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 010101483

Ngày cấp: 06/04/2006

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 34D, Tổ 8 đường Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 34D, Tổ 8 đường Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội